

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TP. PHAN RANG - THÁP CHÀM  
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46 /2021/DS-ST  
Ngày 10/12/2021  
V/v “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN RANG - THÁP CHÀM,  
TỈNH NINH THUẬN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Nga

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Trần Văn Bình

Ông Lê Huỳnh Sinh

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Hữu Trung - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận tham gia phiên tòa:** Bà Lê Nguyễn Tường Vy - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 172/2021/TLST-DS ngày 15/6/2021 về việc “tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2021/QĐXXST-DS ngày 05/11/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 33/2021/QĐST-DS ngày 22/11/2021, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Ngân hàng B.

Địa chỉ: Tháp B, số 35x, quận H, Thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật của nguyên đơn: Ông Phan Đức T – Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Phạm Tấn Đăng K – Chuyên viên phụ trách xử lý nợ Ngân hàng B - Chi nhánh Ninh Thuận là người đại diện theo ủy quyền (Quyết định ủy quyền số 804/QĐ-BIDV ngày 22/8/2019, Quyết định ủy quyền số 359/QĐ-BIDV.NT ngày 25/10/2021).

Địa chỉ: Số 138 đường 21 tháng 8, phường P, TP. P1, tỉnh Ninh Thuận (có mặt).

**2. Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị Hồng T, sinh năm 1970.

Địa chỉ: thôn 1, xã Th, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận (vắng mặt).

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Bà Nguyễn Thị Hồng T quan hệ tín dụng tại Ngân hàng B – Chi nhánh tỉnh Ninh Thuận theo hợp đồng tín dụng số F551/HĐTD ngày 13/01/2020, số tiền vay 270.000.000đ, thời hạn vay 60 tháng, mục đích vay sửa nhà, lãi suất 11,05%/năm (tại thời điểm vay), lãi suất hiện nay 11.6%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; kỳ hạn trả nợ: hàng tháng, số tiền trả nợ hàng tháng 5.940.000 đồng (trả gốc và lãi). Tính đến ngày 01/10/2021 bà T đã trả được 180.195.039 đồng tiền gốc và 21.324.961 đồng tiền lãi. Do bà T vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu tòa án giải quyết:

Buộc bà Nguyễn Thị Hồng T phải trả cho Ngân hàng B số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 10/12/2021 là 112.349.436 đồng, trong đó tiền gốc: 89.804.961 đồng, tiền lãi trong hạn: 22.457.804 đồng, nợ lãi quá hạn là 86.671 đồng.

Buộc bà Nguyễn Thị Hồng T phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh đối với số nợ gốc chưa thanh toán kể từ ngày 11/12/2021 cho đến khi trả hết nợ vay theo lãi suất đã được ký kết trong hợp đồng tín dụng.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng T vắng mặt dù đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng.

*Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa sơ thẩm, cụ thể như sau:*

Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án.

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng của đương sự: Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự, còn bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa và các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp thì việc khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Lời trình bày và kết quả tranh tụng của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về thủ tục tố tụng.

[1.1] Xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ngân hàng B khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Hồng T phải trả số tiền nợ đã vay theo Hợp

đồng tín dụng số F551/HĐTD ngày 13/01/2020. Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có địa chỉ tại thôn 1, xã Th, TP. P. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân TP. Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

[1.2] Về thủ tục niêm yết, tổng đạt văn bản tố tụng: Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm đã tiến hành xác minh về nơi cư trú của bà Nguyễn Thị Hồng T tại thôn 1, xã Th, thành phố P và xác định bà Nguyễn Thị Hồng T không còn sinh sống tại địa phương nhưng vẫn còn hộ khẩu thường trú tại đây. Khi đi bà T không thông báo về nơi cư trú mới cho địa phương, không thông báo cho Ngân hàng biết về nơi cư trú mới. Do vậy, đây được coi là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ theo quy định tại Điều 5, Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ –HĐTP ngày 05 tháng 5 năm 2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Địa chỉ thôn 1, xã Th được coi là nơi cư trú cuối cùng của bà T, Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm căn cứ vào Điều 177, 179 của Bộ luật tố tụng dân sự thực hiện việc niêm yết các văn bản tố tụng cho bà Nguyễn Thị Hồng T tại địa chỉ thôn 1, xã Th, thành phố P.

[1.3] Về sự vắng mặt của bị đơn: Bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng B đối với bà Nguyễn Thị Hồng T, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Về tính hợp pháp của hợp đồng tín dụng: Căn cứ lời trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa, đối chiếu giấy đề nghị vay vốn, hợp đồng tín dụng số F551/01/2020/HĐTD ngày 13/01/2020, bảng cam kết trả nợ ngày 26/3/2021, thấy rằng các giấy tờ trên đều có chữ ký của bà Nguyễn Thị Hồng T, có xác nhận của trường Tiểu học A, huyện N nơi bà T công tác tại thời điểm vay vốn; Căn cứ vào các chứng cứ trên có đủ cơ sở để xác định: Ngày 13/01/2020 bà Nguyễn Thị Hồng T vay của Ngân hàng B số tiền 270.000.000đ, thời hạn vay 60 tháng, mục đích vay sửa nhà; lãi suất 11,05%/năm (tại thời điểm vay), lãi suất hiện nay 11.3%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; kỳ hạn trả nợ: hàng tháng, số tiền trả nợ hàng tháng 5.940.000 đồng (trả gốc và lãi). Chủ thể ký kết hợp đồng có năng lực pháp luật dân sự, hình thức, mục đích và nội dung của hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái với đạo đức xã hội nên Hợp đồng tín dụng số F551/01/2020/HĐTD ngày 13/01/2020 được coi là hợp pháp, có hiệu lực.

[2.1] Đối với yêu cầu trả nợ gốc, lãi tiền vay:

Tính đến ngày 10/12/2021 bà T đã trả được 180.195.039 đồng tiền gốc và 21.324.961 đồng tiền lãi. Đến hạn trả nợ bà T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ là vi phạm Điều 5 của Hợp đồng tín dụng đã ký kết. Từ ngày 31/3/2021, Ngân hàng đã chuyển sang nợ quá hạn và áp dụng lãi suất quá hạn bằng 150% của lãi suất trong hạn đã thỏa thuận là phù hợp với Điều 4 của Hợp đồng tín dụng đã ký kết và Điều 91 Luật

các tổ chức tín dụng 2010. Tính đến ngày 10/12/2021, bà Nguyễn Thị Hồng T còn nợ Ngân hàng số tiền: 112.349.436 đồng, trong đó tiền gốc: 89.804.961 đồng, tiền lãi: 22.544.475 đồng (lãi trong hạn 22.457.804 đồng và lãi quá hạn 86.671 đồng).

Đối chiếu với các tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn đã cung cấp cho Tòa án, cũng như trong quá trình giải quyết vụ án thì bà Nguyễn Thị Hồng T vắng mặt, không cung cấp bất kỳ tài liệu, chứng cứ nào để phản bác hoặc phản tố đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Vì vậy, căn cứ vào Điều 466 của Bộ luật dân sự và khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự thì yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp pháp luật.

[3] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với những nhận định nêu trên nên được ghi nhận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 357, 463, 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ khoản 16 Điều 4 và Điều 91 của Luật Các tổ chức tín dụng;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

**1.** Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng B

**2.** Buộc bà Nguyễn Thị Hồng T có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng B số tiền 112.349.436 đồng (*Một trăm mười hai triệu ba trăm bốn mươi chín ngàn bốn trăm ba mươi sáu đồng*), trong đó tiền gốc: 89.804.961 đồng (*Tám mươi chín triệu tám trăm lẻ bốn ngàn chín trăm sáu mươi một đồng*), tiền lãi: 22.544.475 đồng (*Hai mươi hai triệu năm trăm bốn mươi bốn ngàn bốn trăm bảy mươi lăm đồng*) (lãi trong hạn 22.457.804 đồng và lãi quá hạn 86.671 đồng).

**3.** Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm bà Nguyễn Thị Hồng T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong Hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng B thì lãi suất mà bà Nguyễn Thị Hồng T phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng theo Quyết định của Tòa

án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng B.

**4.** Về án phí: Bà Nguyễn Thị Hồng T phải chịu 5.617.000 đồng (Năm triệu sáu trăm mười bảy ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn lại cho Ngân hàng B số tiền 6.347.000 đồng (Sáu triệu ba trăm bốn mươi bảy ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0025732 ngày 09/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

**5.** Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo quy định các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai có mặt nguyên đơn, quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt, quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND TP. PR-TC;
- Chi cục THADS TP. PR-TC;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Nga**

